

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày 12-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Thẩm phán: Ông Vũ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Nghĩa

Bà Vương Thị Thoan

Bà Trần Thị Đàm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2019/HSST ngày 27 tháng 03 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lò Đức L - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 17 tháng 01 năm 1989 tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 3, thị trấn M, huyện Mù C, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn N và bà: Bùi Thị T; có vợ là: Đào Thị T và 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 02-9-2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Đỗ Minh T - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 26 tháng 01 năm 1999 tại thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 79A, khu tập thể kho T, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Học viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Minh P (đã chết) và bà Phùng Thị K; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú). Có mặt.

3. Nguyễn Quang C - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 05 tháng 11 năm 1996 tại huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam

Nơi ở: Số nhà 53, ngõ 16, đường N, phường N, quận L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị O; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú). Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Đức L:* Ông Nguyễn Đức D - Luật sư, Văn phòng Luật sư H, đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Tổ 7, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Anh Bùi Văn S, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Tổ 5, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị Thu O, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Tổ 01, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:*

1. Anh Đỗ Tiến D, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Bá L, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Số nhà 126, đường V, V, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4. Chị Đào Thị T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

5. Ông Lò Văn N, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Thôn G, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn H

Nơi cư trú: Tổ 3, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. Anh Hà Hữu H

Nơi cư trú: Tổ 10, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn T

Nơi cư trú: Tổ 3, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

5. Ông Vũ Công T

Nơi cư trú: Số 4, tổ 6, phường L, quận Đ, Hà Nội. Vắng mặt.

6. Công ty TNHH quản lý tài sản ,Ngân hàng TMCP cổ phần Việt Nam
Thịnh Vượng (VP Bank AMC)

Địa chỉ: Tầng 2B, Tòa nhà R6, R, 72 A N, phường T, quận T, Hà Nội.
Vắng mặt.

7. Anh Phạm Đức Q

Nơi cư trú: Tổ 24, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

8. Chị Vũ Thị N

Nơi cư trú: Tổ 2, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

9. Chị Lê Thị Tuyết M

Nơi cư trú: Tổ 24, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2018, Lò Đức L đã nhiều lần sử dụng giấy chứng nhận đăng ký ô tô giả để bán xe ô tô đang thế chấp Ngân hàng, xe ô tô đi thuê nhằm chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Cụ thể, như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng tháng 4 năm 2017, L nhờ vợ chồng anh Đỗ Tiến D và chị Đoàn Thị T đứng tên ký hợp đồng thế chấp tài sản để vay tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Aveo, biển kiểm soát 21A-046.40 với hình thức mua trả góp với công ty tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Việt Nam JACCS (Gọi tắt là công ty JACCS), thời gian trả nợ từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 4 năm 2024. Sau khi hoàn tất thủ tục mua xe, D đã giao cho L xe ô tô kèm theo một giấy chứng nhận kiểm định, một bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe số 007834 mang tên Đỗ Tiến D và thỏa thuận hàng tháng L đưa tiền cho D để trả nợ cho Công ty JACCS.

Trong quá trình sử dụng xe ô tô, đến tháng 9 năm 2017 L mua của Nguyễn Quang C một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007834 mang tên Lò Đức L đối với xe ô tô biển kiểm soát 21A-046.40 với giá 05 triệu đồng, nhưng do nhầm lẫn chữ nên L yêu cầu C làm lại. Sau đó, C đã gửi thêm cho L một giấy chứng nhận đăng ký ô tô khác cùng số 007834 đối với chiếc xe ô tô trên. Ngày 29-01-2018 L mang xe ô tô biển kiểm soát 21A-046.40 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký số 007834 mang tên Lò Đức L và giấy chứng nhận kiểm định số 2687886 bán cho anh Nguyễn Văn H với giá 250 triệu đồng. Đến ngày 22-7-2018 anh H bán chiếc xe ô tô nói trên cho anh Nguyễn Văn H với giá 265 triệu đồng. Do nghi ngờ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, nên anh H không mua xe nữa. Đồng thời, anh H trình báo sự việc và giao nộp xe ô tô biển kiểm soát 21A-046.40 cho Công an tỉnh Yên Bái, anh H đã trả lại cho H số tiền mua xe.

Lần thứ hai: Ngày 27-10-2017, L và vợ là Đào Thị T cùng đứng tên hợp đồng mua trả góp xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển kiểm soát 21A-050.81 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (thời hạn trả nợ từ ngày 27-10-2017 đến 27-09-2024). Sau khi hoàn tất thủ tục mua xe, Ngân hàng giao cho vợ, chồng L xe ô tô và bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe để lưu thông. Đến cuối tháng 10 năm 2017, L nảy sinh ý định bán chiếc xe ô tô này để chiếm đoạt tiền, nên đã mua của C một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008954 mang tên Lò Đức L đối với xe ô tô biển kiểm soát 21A-050.81 với giá 05 triệu đồng. Ngày 03-11-2017 L mang chiếc xe ô tô biển kiểm soát 21A-050.81 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe đã mua của C và một giấy chứng nhận kiểm định số KC 4579919 đến bán cho Bùi Văn S với giá 550 triệu đồng. Khoảng 03 ngày sau, L đến gặp anh S vay số tiền 50 triệu đồng, L có để lại cho Sinh một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007834 mang tên Lò Đức L đối với xe ô tô biển kiểm soát 21A-046.40 (do trước đó C có đưa cho L 02 giấy của xe ô tô 21A-046.40). Đến tháng 12 năm 2017, L trả hết cho S số tiền 50 triệu đồng đã vay nhưng không lấy lại giấy đăng ký xe 21A-046.40 đã đưa cho S trước đó. Sau khi phát hiện sự việc, anh Bùi Văn S đã đến Công an thị xã N, tỉnh Yên Bái trình báo sự việc.

Lần thứ ba: Ngày 10-4-2018 L có thuê của anh Nguyễn Bá L một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota - VIOSG, biển kiểm soát 30E – 882.91 mang tên Nguyễn Đức L để chở khách du lịch, anh L đồng ý cho L thuê với giá 12.000.000 đồng/ tháng và giao cho L xe ô tô và bản sao có công chứng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Sau đó, L đã mua của Nguyễn Quang C một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 404271 mang tên Nguyễn Bá L đối với xe ô tô biển kiểm soát 30E – 882.91 với

giá 05 triệu đồng. Đến ngày 15-4-2018 L mang xe ô tô biển kiểm soát 30E – 882.91 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe đã mua của C đến bán cho chị Hoàng Thị Thu O với giá 250 triệu đồng, khi bán L nói dối chị O là chiếc xe này L đã mua của L. Sau khi phát hiện sự việc, anh L và chị O đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N, tỉnh Yên Bái để trình báo toàn bộ sự việc. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lò Văn N bố đề của bị cáo L đã tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho chị O.

Ngoài những hành vi nêu trên, ngày 13-5-2018 L có thuê của anh Phạm Đức Q 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota - INOVAG, biển kiểm soát 21A-053.53 với mục đích chở khách du lịch. Đến ngày 15-5-2018 L mua của Nguyễn Quang C một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009628 mang tên Lò Đức L với giá 05 triệu đồng; Ngày 18-5-2018 L mang xe ô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký đã mua của C đến cầm cố vay 270 triệu của chị Vũ Thị N. Sau đó, L thông báo cho Q biết việc cầm cố xe và được Q đồng ý. Ngày 25-5-2018 L trả cho chị N số tiền đã vay và trả xe ô tô cho Q cùng tiền thuê xe như đã thỏa thuận.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được L đã chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, L bỏ trốn về Hà Nội lái xe ô tô thuê cho Công ty TNHH V. Đến ngày 02-9-2018, L bị bắt theo Quyết định truy nã của Công an tỉnh Yên Bái, thu giữ của L: 01 (một) điện thoại di động Sam Sung màu đen cũ, đã qua sử dụng; 01 giấy phép lái xe số 150068000088 hạng A1 và 01 giấy phép lái xe số 250168010094 hạng B2 đều mang tên Lò Đức L.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái đã trao trả cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp gồm: Trả cho ông Vũ Công T (Giám đốc Công ty TNHH V) 01 xe ô tô biển kiểm soát 30F-266.15; trả cho anh Đỗ Tiến D 01 xe ô tô Chevrolet AVEO có số khung RLLSF69YDHH942854, số máy F14D3170190465; trả cho anh Nguyễn Bá L 01 xe ô tô biển kiểm soát 30E-882.91; Trả cho anh Phạm Đức Q 01 xe ô tô biển kiểm soát 21A-053.53 và trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (do anh Nguyễn Như L là người được ủy quyền) 01 xe ô tô biển kiểm soát 21A-050.81.

Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân, nên Đỗ Minh T và Nguyễn Quang C đã làm 05 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để bán cho Lò Đức L. Cụ thể: Vào cuối năm 2016, thông qua mạng xã hội Facebook, T làm quen với một người phụ nữ tự giới thiệu tên là H có tài khoản Facebook là “Võ H”. Khi nói chuyện trên facebook, đặt vấn đề với T nhận làm giấy tờ giả với giá từ 01 triệu đồng đến 1,5 triệu đồng/ 01 giấy tờ, nếu T gặp khách có nhu cầu thì giới thiệu cho H. Sau đó, T

có quen Nguyễn Quang C và trực tiếp trao đổi với C nội dung: T nhận làm giấy tờ giả và nhờ C nếu gặp khách có nhu cầu thì giới thiệu cho T với giá từ 2,5 triệu đồng đến 03 triệu đồng/giấy và được C đồng ý. Khi L hỏi C về việc làm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả thì C đồng ý làm với giá 05 triệu đồng/giấy; trong khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 10 năm 2017 và tháng 4 đến tháng 5 năm 2018, thông qua mạng xã hội Zalo, L đã chuyển mẫu hình ảnh chứng nhận đăng ký của các xe ô tô: 21A- 046.40; 21A- 053.53; 21A-050.81; 30E-882.91 và thông tin cá nhân cho C. Sau đó, C chuyển tiếp lại cho T, T chuyển tiếp cho người phụ nữ tên H thông qua tài khoản Facebook có tên là “Võ H” mua 05 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của các xe ô tô nêu trên, L đã chuyển trả cho C tổng cộng 20 triệu đồng; C chuyển trả cho T tổng cộng 10.500.000 đồng; T chuyển trả cho người phụ nữ tên H tổng cộng 05 triệu đồng. Quá trình điều tra, ngày 10-01-2019 C và T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra toàn bộ số tiền được hưởng chênh lệch (C giao nộp 9.500.000 đồng và T giao nộp 5.500.000 đồng).

Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Đỗ Minh T: 01 thẻ ATM (ngân hàng Vietcombank mang tên Đỗ Minh T; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng gắn sim số 0988.497.613 đã cũ và số tiền 5.500.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Quang C: 01 điện thoại di động Iphone màu xám gắn sim số 0968.586.255 đã cũ; số tiền 9.500.000 đồng; 01 chứng minh thư nhân dân và 01 thẻ ATM (Ngân hàng Maritimebank) đều mang tên Nguyễn Quang C.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 bộ biên kiểm soát 21A-046.40 giả; 05 chứng nhận đăng ký xe ô tô gồm: số 007834 đối với xe có biển số 21A-046.40; số 007834 đối với xe có biển số 21A-046.40 cấp ngày 16-4-2017; số 008954 đối với xe có biển số 21A-050.81 cấp ngày 26-10-2017; số 404271 đối với xe có biển số 30E-882.91 cấp ngày 06-9-2017; số 009628 đối với xe có biển số 21A – 053.53 cấp ngày 22-01-2018.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 22-8-2018 của hội đồng định giá tài sản thành phố Yên Bái kết luận: Giá trị của xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet AVEO, biển kiểm soát 21A-046.40 tại thời điểm ngày 29-01-2019 là 405.166.700 đồng (*Bốn trăm linh năm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng chẵn*).

- Tại Biên bản định giá tài sản ngày 27-9-2018 và bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thị xã N kết luận: Tổng giá trị thực tế của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota, loại VIOSG màu nâu vàng;

biển số đăng ký 30E-882.91 là: 421.400.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn*).

- Tại kết luận giám định số 136/KLGD ngày 06-06-2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009628 gửi giám định không phải do Công an tỉnh Yên Bái phát hành.

- Tại kết luận giám định số 184/KLGD ngày 06-8-2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007834 mang tên Lò Đức L gửi giám định không phải do Công an tỉnh Yên Bái cấp; 01 bộ biển kiểm soát 21A – 046.40 gửi giám định không phải do Công an tỉnh Yên Bái cấp.

- Tại kết luận giám định số 188/KLGD ngày 14-8-2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: 02 chứng nhận đăng ký xe ô tô (số 007834 và số 008954) mang tên chủ xe Lò Đức L gửi giám định đều không phải do Công an tỉnh Yên Bái cấp.

- Tại kết luận giám định số 194/KLGD ngày 04-9-2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận: 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 404271 gửi giám định là chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 25-03-2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Lò Đức L về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Quang C và Đỗ Minh T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- * Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Đức L 13 năm đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Đức L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lò Đức L phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 15 năm đến 16 năm 06 tháng tù.

* Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang C từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

* Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lò Đức L bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 250.000.000 đồng; anh Bùi Văn S số tiền 550.000.000 đồng; chị Hoàng Thị Thu O số tiền 235.000.000 đồng

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo đã giao nộp (bị cáo Đỗ Minh T 5.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn Quang C 9.500.000 đồng). Đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có.

- Trả lại cho bị cáo L 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu đen cũ đã qua sử dụng, 01 giấy phép lái xe số 150068000088 hạng A1 và 01 giấy phép lái xe số 250168010094 hạng B2 đều mang tên Lò Đức L.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Minh T 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng và 01 thẻ ATM (Ngân hàng Vietcombank) mang tên Đỗ Minh T.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang C 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu xám gắn sim số 0968.586.255; 01 chứng minh thư và 01 thẻ ATM (Ngân hàng Maritimebank) đều mang tên Nguyễn Quang C.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ biển kiểm soát 21A – 046.40 giả; 05 chứng nhận đăng ký xe ô tô gồm: số 007834 đối với xe có biển số 21A-046.40; số 007834 đối với xe có biển số 21A-046.40 cấp ngày 16-4-2017; số 008954 đối với xe có biển số 21A-050.81 cấp ngày 26-10-2017; số 404271 đối với xe có biển số 30E-882.91 cấp ngày 06-9-2017; số 009628 đối với xe có biển số 21A – 053.53 cấp ngày 22-01-2018.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Đức L trình bày lời bào chữa: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái về tội danh truy tố và điều luật áp dụng đối với bị cáo Lò Đức L về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét về nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất và không áp dụng hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Đức L, Nguyễn Quang C và Đỗ Minh T thành khẩn khai nhận như tại cơ quan điều tra; các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân, nên trong khoảng thời gian năm 2017 và 2018, tại nhiều địa điểm khác nhau Lò Đức L đã dùng xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze, biển kiểm soát 21A- 050.81; xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Aveo, biển kiểm soát 21A-046.40 đang được thế chấp tại Ngân hàng và xe ô tô nhãn hiệu Toyota - VIOSG biển kiểm soát 30E - 882.91 thuê của anh Nguyễn Bá L. Sau đó, L đã mua và sử dụng 05 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả (số 008954; số 404271; số 009628 và 02 giấy số 007834) để bán các xe ô tô trên nhằm chiếm đoạt tổng số tiền: **1.376.566.700 đồng** (*một tỷ ba trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm đồng*). Trong đó, chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H số tiền 250 triệu đồng; anh Bùi Văn S số tiền 550 triệu đồng và chị Hoàng Thị Thu O số tiền 250 triệu đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lò Đức L đã phạm vào các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Quang C và Đỗ Minh T có hành vi nhận và cung cấp thông tin từ Lò Đức L đến nick Facebook “Võ H” để làm 05 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả bán cho L và được hưởng số tiền chênh lệch, trong đó: Nguyễn Quang C 9.500.000 đồng; Đỗ Minh T 5.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo C và T đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo L là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” của bị cáo L và hành vi phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” của các bị cáo C và T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu. Gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải đưa các bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

Trong vụ án này, đối với hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” của các bị cáo T và C thực hiện thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành có vai trò tương đồng trong việc thực hiện hành vi phạm tội, nên phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau.

[4] Xét nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Bị cáo Lò Đức L là người có sức khỏe, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để điều chỉnh mọi hành vi hoạt động của bản thân. Biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân của bị cáo rất kém. Do bị cáo chiếm đoạt tài sản nhiều lần nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần có hình phạt thỏa đáng, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; là người dân tộc thiểu số. Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, trong quá trình giải quyết vụ án ông Lò Văn N - bố đẻ bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000 đồng cho chị Hoàng Thị Thu O để khắc

phục một phần hậu quả cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.2] Các bị cáo Đỗ Minh T và Nguyễn Quang C là những người có tuổi đời còn trẻ, có khả năng điều khiển mọi hành vi hoạt động của bản thân nhưng vì mục đích tiêu xài cá nhân nên đã cố ý thực hiện tội phạm. Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi hành vi bị phát hiện, các bị cáo đã tích cực hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, tự nguyện nộp ngay số tiền được hưởng lợi từ việc làm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s và điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khi quyết định hình phạt.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo T và C thấy rằng: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên cần áp dụng chế định quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, cũng đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có tài sản riêng và thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã nhận lại tài tài sản bảo đảm là chiếc ô tô biển kiểm soát 21A-050.81, để xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với người phụ nữ tên H có facebook là “Võ H”, Đỗ Minh T khai đã mua của H 05 chứng nhận đăng ký xe ô tô giả. Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa thấy rằng: T trực tiếp trao đổi cung cấp thông tin cũng như giao dịch chuyển trả tiền cho H qua tài khoản facebook “Võ H” và qua tài khoản chuyển tiền, nên có căn cứ để xác định H có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội lần này của bị các T và C. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra xem xét, làm rõ hành vi của H để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với đồ vật tạm giữ là 01 bộ biển kiểm soát 21A-046.40 giả; cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra những không xác định được nguồn gốc cũng như đối tượng làm giả nên không đề cập xử lý trong vụ án là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại gồm: Anh Bùi Văn S yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền mua chiếc ô tô biển kiểm soát 21A-046.40 là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng); anh Nguyễn Văn H yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền mua chiếc ô tô biển kiểm soát 21A-050.81 là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu) đồng và chị Hoàng Thị Thu O yêu cầu bị cáo L bồi thường số tiền mua chiếc ô tô biển kiểm soát 30E-882.91 là 235.000.000 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu đồng). Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền đã chiếm đoạt nêu trên của các bị hại, nên cần chấp nhận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Tiến D, anh Nguyễn Bá L, chị Đoàn Thị T và chị Đào Thị T không có yêu cầu bị cáo L phải bồi thường gì khác; ông Lò Văn N không yêu cầu bị cáo L phải trả số tiền 15.000.000 đồng ông đã bồi thường cho chị O, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

- Đối với tài sản thu giữ của bị cáo Lò Đức L gồm: 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu đen cũ đã qua sử dụng, 01 giấy phép lái xe số 150068000088 hạng A1 và 01 giấy phép lái xe số 250168010094 hạng B2 đều mang tên Lò Đức L; 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng gắn sim số 0988.497.613 và 01 thẻ ATM (Ngân hàng Vietcombank) mang tên Đỗ Minh T thu giữ của bị cáo Đỗ Minh T; 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu xám gắn sim số 0968.586.255, 01 chứng minh nhân dân số 168566379 và 01 thẻ ATM (Ngân hàng Maritimebank) đều mang tên Nguyễn Quang C thu giữ của bị cáo Nguyễn Quang C. Đây là tài sản hợp pháp của các bị cáo, cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 bộ biển kiểm soát 21A-046.40 giả; 05 chứng nhận đăng ký xe ô tô gồm: số 007834 đối với xe có biển số 21A-046.40; số 007834 đối với xe có biển số 21A-046.40 cấp ngày 16-4-2017; số 008954 đối với xe có biển số 21A-050.81 cấp ngày 26-10-2017; số 404271 đối với xe có biển số 30E-882.91 cấp ngày 06-9-2017; số 009628 đối với xe có biển số 21A-053.53 cấp ngày 22-01-2018, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền thu lợi do phạm tội mà có do Đỗ Minh T giao nộp 5.500.000 đồng và Nguyễn Quang C giao nộp 9.500.000 đồng được niêm phong trong 02 bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành, cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

(Toàn bộ số vật chứng và tài sản thu giữ nêu trên có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 03 năm 2019 giữa Cơ quan cảnh sát

điều tra Công an tỉnh Yên Bái và Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái).

[12] Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo T và C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[13] Các bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố:

+ Bị cáo Lò Đức L phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

+ Các bị cáo Đỗ Minh T và Nguyễn Quang C phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Lò Đức L:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lò Đức L **13 (mười ba)** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lò Đức L **02 (hai)** năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc Lò Đức L phải chấp hành chung cho cả 02 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là **15 (mười lăm năm)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 02-9-2018)

2.2. Đối với bị cáo Đỗ Minh T:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Minh T **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú tại: Xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ khi tuyên án cho đến khi đi chấp hành hình phạt tù.

2.3. Đối với bị cáo Nguyễn Quang C:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang C **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú tại: Xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ khi tuyên án cho đến khi đi chấp hành hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lò Đức L bồi thường cho anh Nguyễn Văn H số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng; anh Bùi Văn S số tiền 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng và chị Hoàng Thị Thu O số tiền 235.000.000 đồng (hai trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường mà bị cáo Lò Đức L chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho:

+ Bị cáo bị cáo Lò Đức L gồm: 01 chiếc điện thoại di động Samsung màu đen cũ đã qua sử dụng, 01 giấy phép lái xe số 150068000088 hạng A1 và 01 giấy phép lái xe số 250168010094 hạng B2 đều mang tên Lò Đức L.

+ Bị cáo Đỗ Minh T gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng gắn sim số 0988.497.613 và 01 thẻ ATM (Ngân hàng Vietcombank) mang tên Đỗ Minh T.

+ Bị cáo Nguyễn Quang C gồm: 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu xám gắn sim số 0968.586.255, 01 chứng minh nhân dân số 168566379 và 01 thẻ ATM (Ngân hàng Maritimebank) đều mang tên Nguyễn Quang C.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ biển kiểm soát 21A-046.40 giả; 05 chứng nhận đăng ký xe ô tô gồm: số 007834 đối với xe có biển số 21A-046.40; số 007834 đối với xe có biển số 21A-046.40 cấp ngày 16-4-2017; số 008954 đối với xe có biển số 21A-050.81 cấp ngày 26-10-2017; số 404271 đối với xe có biển số 30E-882.91 cấp ngày 06-9-2017; số 009628 đối với xe có biển số 21A-053.53 cấp ngày 22-01-2018.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền Đỗ Minh T giao nộp 5.500.000 đồng và Nguyễn Quang C giao nộp 9.500.000 đồng được niêm phong trong 02 bì

do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành.

(Toàn bộ số vật chứng và tài sản thu giữ nêu trên có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 03 năm 2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái và Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Lò Đức L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 43.050.000 (bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Các bị cáo Đỗ Minh T và Nguyễn Quang C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các bị hại vắng mặt được quyền kháng bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND, Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan hồ sơ NV Công an tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Các bị cáo (tạm giam 01), (tạm ngoại 02);
- Bị hại; Người bào chữa; NCQLNVLQ;
- UBND xã V, H. T, Hà Nội;
- UBND xã A, H. B, tỉnh Hà Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án, THAHS TA, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thu Hương